

Số: 01-MT/2025

Đồng Nai, ngày 30 tháng 6 năm 2025

V/v công khai giấy phép môi
trường



Kính gửi: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành

Chúng tôi là: Công ty TNHH Lettall Electronic (Việt Nam).

Địa điểm thực hiện dự án: Xưởng số X3, X5 và X6, Lô N3, Đường N5, N6, Khu Công nghiệp Lộc An – Bình Sơn, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Công ty TNHH Lettall Electronic (Việt Nam) đã được UBND huyện Long Thành cấp Giấy phép môi trường số 2917/GPMT-UBND ngày 19/06/2025 cho cơ sở “Nhà máy sản xuất, gia công cấu kiện kim loại công suất 7.000.000 bộ/năm tương đương 36.000 tấn sản phẩm/năm; sản xuất khung màn hình ti vi bằng kim loại công suất 400.000 bộ/năm tương đương 100 tấn sản phẩm/năm (trong quy trình sản xuất không bao gồm công đoạn xi mạ)” tại Xưởng số X3, X5 và X6, Lô N3, Đường N5, N6, Khu Công nghiệp Lộc An – Bình Sơn, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Chúng tôi xin gửi đến Quý Cơ quan 01 Giấy phép môi trường số 2917/GPMT-UBND ngày 19/06/2025 (đính kèm văn bản) để công khai trên trang thông tin điện tử của Quý Cơ quan.

Kính mong Quý Cơ quan xem xét.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT;



WU ZHEN WEI

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 8390/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Xét đề nghị của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lettall Electronic (Việt Nam) tại Văn bản số 02/LETTALL ngày 07 tháng 3 năm 2025 về việc đề nghị cấp lại giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất, gia công cấu kiện kim loại công suất 7.000.000 bộ/năm tương đương 36.000 tấn sản phẩm/năm; sản xuất khung màn hình ti vi bằng kim loại công suất 400.000 bộ/năm tương đương 100 tấn sản phẩm/năm (trong quy trình sản xuất không bao gồm công đoạn xi mạ)”; Văn bản số 06/LETTALL ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của cơ sở “Nhà máy sản xuất, gia công cấu kiện kim loại công suất 7.000.000 bộ/năm tương đương 36.000 tấn sản phẩm/năm; sản xuất khung màn hình ti vi bằng kim loại công suất 400.000 bộ/năm tương đương 100 tấn sản phẩm/năm (trong quy trình sản xuất không bao gồm công đoạn xi mạ)” và các hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Long Thành tại Tờ trình số 877/TTr-NNMT ngày 06 tháng 6 năm 2025 và Văn bản số 1137/NNMT-MTKS ngày 17 tháng 6 năm 2025;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lettall Electronic (Việt Nam), địa chỉ tại Xưởng số X3, X5 và X6, Lô N3, Đường N5, N6 Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất, gia công cấu kiện kim loại công suất 7.000.000 bộ/năm tương đương 36.000 tấn sản phẩm/năm; sản xuất khung màn hình ti vi bằng kim loại công suất 400.000 bộ/năm tương đương 100 tấn sản phẩm/năm (trong quy trình sản xuất không bao gồm công đoạn xi mạ)” tại Xưởng số X3, X5 và X6, Lô N3, Đường N5, N6 Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án “Nhà máy sản xuất, gia công cấu kiện kim loại công suất 7.000.000 bộ/năm tương đương 36.000 tấn sản phẩm/năm; sản xuất khung màn hình ti vi bằng kim loại công suất 400.000 bộ/năm tương đương 100 tấn sản phẩm/năm (trong quy trình sản xuất không bao gồm công đoạn xi mạ)”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xưởng số X3, X5 và X6, Lô N3, Đường N5, N6 Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, xã Long An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (theo Biên bản thỏa thuận số 01/THM.BBTT.2025 ngày 02 tháng 4 năm 2025 giữa Công ty Cổ phần xây dựng và phát triển Thế Hệ Mới và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lettall Electronic (Việt Nam)).

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3603897152, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2023 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 06 tháng 03 năm 2025 do phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3603897152.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất, gia công cấu kiện kim loại; sản xuất khung màn hình ti vi bằng kim loại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Diện tích nhà xưởng của dự án là 20.000m².

- Nhóm dự án: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

- Công suất: Nhà máy sản xuất, gia công cấu kiện kim loại công suất 7.000.000 bộ/năm tương đương 36.000 tấn sản phẩm/năm; sản xuất khung màn

hình ti vi bằng kim loại công suất 400.000 bộ/năm tương đương 100 tấn sản phẩm/năm (trong quy trình sản xuất không bao gồm công đoạn xi mạ).

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình sản xuất cấu kiện kim loại: Nguyên liệu → Dập → Gia công (cắt tia, dập lỗ, tạo ren) → Làm sạch sản phẩm sau tạo hình → Kiểm tra xác xuất → Sấy → Xịt sơn → Sấy → Lắp ráp → đóng gói.

+ Quy trình sản xuất khung màn hình tivi bằng kim loại: Nguyên vật liệu: (Thép không gỉ, màng phim) → Dập → Hàn nối → Mài → Tạo hình → Rửa sạch sản phẩm → Quét keo → Sấy khô bằng điện → Đo kích thước sản phẩm → Dán màng bảo vệ → Dán myla → Đóng gói, xuất hàng.

Trong quy trình sản xuất của Dự án không bao gồm công đoạn xi mạ.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lettall Electronic (Việt Nam) được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lettall Electronic (Việt Nam) có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm khí thải sau xử lý đạt giới hạn quy chuẩn hiện hành; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức

năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày...19...tháng...6...năm 2035).

Điều 4. Giao Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện Long Thành tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lettall Electronic (Việt Nam);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh (B/c);
- Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chánh, Phó Văn phòng;
- Phòng Nông nghiệp và Môi trường huyện (3 bản chính);
- Trang Thông tin điện tử huyện Long Thành;
- Ủy ban nhân dân xã Long An;
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành;
- Lưu: VT - NN (PNNMT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Thân

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số 2911/GPMT-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật bảo vệ môi trường (do nước thải được thu gom và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, không xả ra môi trường). Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lettall Electronic (Việt Nam) đã ký hợp đồng xử lý nước thải với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành và Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Thế Hệ Mới theo Hợp đồng số 01-2024/LT-VRG ngày 20 tháng 02 năm 2024.

- Chất lượng nước thải trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp: Phải đạt giới hạn tiếp nhận của Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn theo hợp đồng, thỏa thuận giữa Chủ dự án và đơn vị kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn.

- Chủ dự án không được xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hố ga đầu nối:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, dẫn về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ, sau đó chảy vào 01 hố ga chứa nước thải tập trung của Công ty cổ phần xây dựng và phát triển Thế Hệ Mới trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn.

- Nước thải sản xuất được thu gom, đưa về hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 72 m³/ngày.đêm để xử lý sơ bộ; nước thải sau xử lý được tái sử dụng cho sản xuất, định kỳ 02 tuần/lần đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp. Qua 01 hố ga chứa nước thải tập trung của Công ty cổ phần xây dựng và phát triển Thế Hệ Mới trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý:

+ Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại → Hệ thống thu gom nước thải của nhà xưởng cho thuê → Hố ga tập trung → Đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn.

+ Nước thải sản xuất → bể thu gom → Bể lắng ngang → Bể tuyển nổi → Bộ lọc đa phương tiện → Bộ lọc than hoạt tính → Bộ lọc dạng túi → Thiết bị siêu lọc → Kết nước siêu lọc → Bộ lọc an toàn → Thiết bị thẩm thấu ngược → Kết nước tái sử dụng → Tái sử dụng cho sản xuất (công đoạn làm sạch sản phẩm trước khi sơn tĩnh điện), định kỳ 02 tuần/lần đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn → Hệ thống thu gom nước thải của nhà xưởng cho thuê → Hồ ga tập trung → Đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn.

- Công suất thiết kế: 72 m³/ngày.

- Hóa chất sử dụng: Pac, Pam, Acid (HCl), Kiềm (NaOH), chất chống đông cặn, chất khử, chất diệt khuẩn không oxy, chất khử trùng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống cấp thoát nước, hệ thu gom nước thải: Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước, thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Hệ thống xử lý nước thải đã được vận hành thử nghiệm và có văn bản số 3486/KCNĐN-MT ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc thông báo kết quả kiểm tra hoàn thành vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Lettall Electronic (Việt Nam). Do không thay đổi quy trình công nghệ xử lý và công suất của hệ thống xử lý. Căn cứ theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 31; điểm e, Khoản 3 Điều 28 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Khoản 5 Điều 21 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường không vận hành thử nghiệm lại các hạng mục công trình đã được cấp giấy phép môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, không xả trực tiếp ra môi trường; Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; Kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý.

3.2. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới Luật.

3.3. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận

hành dự án . Nghiêm cấm việc xả nước thải vào hệ thống thoát nước mưa.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn để tiếp tục xử lý trước khi xả ra môi trường.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP VỚI KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2.117/GPMT-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

1.1. Nguồn phát khí thải

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ lò sấy sau sơn tĩnh điện số 1.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ lò sấy sau sơn tĩnh điện số 2.
- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ công đoạn sơn tĩnh điện số 1 (không có dòng thải).
- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ công đoạn sơn tĩnh điện số 2 (không có dòng thải).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 175°45', múi chiều 3°).

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải từ lò sấy sau sơn tĩnh điện số 1 (nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1.192.135; Y = 417.015.
- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí thải từ lò sấy sau sơn tĩnh điện số 2 (nguồn số 02), tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1.192.552; Y = 417.786.

2.2. Lưu lượng khí thải lớn nhất: 20.000 m³/giờ.

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 10.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 10.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả thải: Liên tục 24/24 giờ khi có hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải (Dòng khí thải: hệ thống xử lý bụi bụi và hơi dung môi) trước khi xả vào môi trường không khí: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo Quy chuẩn Việt Nam 19:2009/BTNMT (cột B với Kp = 1,0, Kv = 1,0) trước khi xả ra môi trường, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép Quy chuẩn Việt Nam 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 1,0$, $K_v = 1,0$ và Quy chuẩn Việt Nam 20:2009/BTNMT)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
I	Dòng thải số 01, 02				
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không thuộc đối tượng thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.	
2	Bụi	mg/Nm ³	200		
3	Fomaldehyt	mg/Nm ³	20		
4	Xylen	mg/Nm ³	870		
5	Styrene	mg/Nm ³	100		

Ghi chú: Chủ dự án có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát các nguồn phát sinh khí thải đảm bảo chất lượng khí thải trước khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn Việt Nam 19:2009/BTNMT (cột B với $K_v = 1,0$ và K_p theo tổng lưu lượng các nguồn khí thải) và QCVN 20:2009/BTNMT.

* Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025: đề nghị chủ dự án rà soát, thực hiện theo Quy chuẩn Việt Nam 19:2024/BTNMT (ban hành kèm theo Thông tư 45/2024/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ lò sấy sau sơn tĩnh điện số 1 được thu gom bằng chụp hút, qua ống dẫn kẽm (đường kính D500cm) về hệ thống xử lý khí thải, sau đó phát tán ra môi trường qua ống thải có đường kính D500cm, cao tối thiểu 5m so với mặt đất.

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ lò sấy sau sơn tĩnh điện số 2 được thu gom bằng chụp hút, qua ống dẫn kẽm (đường kính D500cm) về hệ thống xử lý khí thải, sau đó phát tán ra môi trường qua ống thải có đường kính D500cm, cao tối thiểu 5m so với mặt đất.

- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ công đoạn sơn tĩnh điện số 1 (không có dòng thải).

- Nguồn số 04: Bụi phát sinh từ công đoạn sơn tĩnh điện số 2 (không có dòng thải).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải lò sấy sau sơn tĩnh điện: 02 hệ thống

- Tóm tắt quy trình xử lý: *Bụi, hơi trong quá trình sản xuất* → *Chụp hút - Ống hút* → *Thiết bị hấp thụ* → *Thiết bị hấp phụ* → *Quạt hút* → *Ống thải* → *Khí thải đạt quy chuẩn môi trường cho phép được xả thải ra môi trường.*

- Công suất thiết kế: 10.000 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước, than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ 03 tháng/lần tiến hành kiểm tra các thiết bị xử lý chất thải; vệ sinh đường ống hút bụi, hút khí để tăng hiệu suất xử lý.

- Khi xảy ra sự cố, ngừng vận hành các dây chuyền sản xuất phát sinh nguồn thải; báo cáo với các cơ quan chức năng và khắc phục sự cố. Chỉ đưa dây chuyền vào vận hành khi khắc phục xong sự cố.

- Bố trí công nhân vận hành thường xuyên, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: không quá 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- 01 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ lò sấy sau sơn tĩnh điện số 2 công suất thiết kế 10.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 ống thải sau hệ thống xử lý khí thải lò sấy sau sơn tĩnh điện số 2, công suất thiết kế 10.000 m³/giờ.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau: Bảo đảm

quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Đối với hệ thống xử lý khí thải sau sơn tĩnh điện số 1 đã được vận hành thử nghiệm và có Văn bản số 3486/KCNĐN-MT ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai về việc thông báo kết quả kiểm tra hoàn thành vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Công ty TNHH Lettall Electronic (Việt Nam). Do không thay đổi quy trình công nghệ xử lý cũng như công xuất của hệ thống xử lý. Căn cứ theo quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 31; điểm e Khoản 3 Điều 28 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và Khoản 5 Điều 21 của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Công ty không vận hành thử nghiệm lại các hạng mục công trình đã được cấp giấy phép môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

3.4. Thu gom nước thải sau hệ thống xử lý khí thải để xử lý đạt ngưỡng tiếp nhận trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước của Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 211/GPMT-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Khu vực đập
- Nguồn số 02: Khu vực nén khí

1.2. Nguồn phát sinh độ rung: không phát sinh

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực máy đập; tọa độ: (X= 1.192.215; Y = 417.245);
- Nguồn số 02: Khu vực máy nén khí; tọa độ: (X= 1.192.285; Y = 417.236).

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107⁰45, múi chiều 3⁰)

3. Tiếng ồn, độ rung: Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn Việt Nam 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và Quy chuẩn Việt Nam 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; Quy chuẩn Việt Nam 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Quy chuẩn Việt Nam 26:2010/BTNMT		Quy chuẩn Việt Nam 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L _{aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

Trường hợp có văn bản pháp luật quy định quy chuẩn mới thay thế hoặc bổ sung quy chuẩn hiện hành thì Chủ dự án phải tuân thủ việc áp dụng các quy chuẩn mới.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Cân chỉnh và bảo dưỡng các chi tiết truyền động của máy móc thiết bị.
- Phân bố các nguồn gây ồn cao ra các khu vực riêng biệt một cách hợp lý.
- Lắp đặt các đệm cao su cho máy móc thiết bị phát sinh độ rung cao.
- Tăng cường các vách ngăn nhà xưởng, tường ngăn giữa các khu vực có máy móc thiết bị có thể gây ồn lớn bằng vật liệu có khả năng cách âm nhằm hạn chế tác động đến công nhân làm việc ở các khu vực khác.

- Trang bị nút tai chống ồn và các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân làm việc ở khu vực sản xuất và có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân (đặc biệt lưu ý kiểm tra chặt chẽ tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn cao), đây là biện pháp vừa hiệu quả, vừa kinh tế, vừa dễ thực hiện.

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân.
- Định kỳ tổ chức đo kiểm tra tiếng ồn nơi làm việc tối thiểu 1 lần/năm.
- Bố trí luân phiên nhóm công nhân làm việc tại khu vực có mức ồn cao.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (Quy chuẩn Việt Nam 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn Việt Nam 24:2016/BTNMT) và độ rung (Quy chuẩn Việt Nam 27:2010/BTNMT) và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành. Tuân thủ đúng các quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư 07/2025/BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2911/GPMT-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	NH	210
2	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn	KS	10
3	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	Rắn	KS	20
4	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	Rắn	KS	15
5	Giẻ lau, găng tay, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	KS	280
6	Ắc quy chì thải	19 06 01	Rắn	NH	5
7	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 05	Bùn	KS	400
8	Cặn sơn	08 01 01	Rắn	KS	1.000
9	Hoá chất từ quá trình tẩy rửa bề mặt	07 01 06	Lỏng	NH	2.400
10	Dầu thải	15 02 05	Lỏng	NH	2.000
11	Kim loại nhiễm dầu	11 04 01	Rắn	KS	2.200
12	Móc treo dính sơn	08 01 03	Rắn	KS	200
13	Than hoạt tính	12 01 04	Rắn	NH	500

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
Tổng khối lượng					9.240

1.2. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Nguồn phát sinh	Trạng thái	Mã chất thải	Ký hiệu	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Giấy carton	Rắn	18 01 05	TT-R	524
2	Thép vụn, ba vớ thải không chứa thành phần nguy hại từ quá trình sản xuất	Rắn	18 01 08	TT-R	4.800
3	Nhựa cứng, nhựa hư hỏng	Rắn	18 01 06	TT-R	1.400
4	Hộp mực in thải từ văn phòng	Rắn	08 02 08	TT-R	10
5	Pallet gỗ	Rắn	18 01 07	TT-R	480
6	Bùn từ bể tự hoại	Bùn	12 06 13	TT	500
Tổng khối lượng					7.714

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm	5,0
2	Rác có khả năng tái chế, tái sử dụng	1,8
3	Chất thải rắn sinh hoạt khác	1,0
Tổng cộng		7,8

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: 16 Thùng, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu chứa trong nhà xưởng 6:

- Thiết kế, cấu tạo và diện tích khu lưu chứa:

+ Diện tích: 25.

+ Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có mái che, nền được gia cố chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 10 Thùng.

2.2.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu lưu chứa: 35 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa trong nhà xưởng 6: có mái che, có nền bê tông chống thấm, nền kín, không bị rạn nứt, không bị ảnh hưởng bởi nước mưa chảy tràn. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng.

+ 10 thùng rác loại 20 lít bố trí tại các khu vực văn phòng và khu vực sản xuất;

+ 4 thùng rác loại 240 lít tại kho lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Khu lưu chứa:

- Diện tích khu lưu chứa: 35 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu chứa trong nhà xưởng 6: có mái che, có nền bê tông chống thấm, nền kín, không bị rạn nứt, không bị ảnh hưởng bởi nước mưa chảy tràn. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều

của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư 07/2025/BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 29.11/GPMT-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện Long Thành)

1. Hoạt động đúng ngành đã đăng ký thực hiện dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 472043000939, chứng nhận lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2022, Chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 13 tháng 01 năm 2025 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.
2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Công khai, minh bạch vị trí đầu nối nước mưa, nước thải vào hệ thống thu gom nước mưa, nước thải của Khu công nghiệp Lộc An – Bình Sơn.
4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.
5. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới Luật có liên quan.
6. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và đảm bảo tỷ lệ theo quy định.
7. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.
8. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả.
9. Tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, an toàn hóa chất, tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.
10. Trong quá trình hoạt động nếu dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển VRG Long Thành, Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai, Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan có liên quan.
11. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai các thông tin môi trường của dự án trên trang thông tin điện tử của dự án và đơn vị cho thuê hạ tầng hoặc tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp

xã nơi thực hiện hoạt động dự án theo quy định tại điểm b, điểm a, Khoản 1 Điều 102 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

12. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

13. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

